

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

Mẫu số 12/ĐK
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **754**/PCTT-VPĐK-ĐK

TP.HCM, ngày **30** tháng **6** năm 2025

PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN
ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI
41 HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN TẠI KHU NHÀ Ở NAM
SÀI GÒN RESIDENCES, ÁP 5, XÃ PHƯỚC KIỂN, HUYỆN NHÀ BÈ

Kính gửi: Đội Thuế liên Huyện Quận 7 - Nhà Bè.

I. THÔNG TIN VỀ HỒ SƠ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

(Theo danh sách đính kèm 41 hồ sơ).

1.1. Mã hồ sơ: -/-

1.2. Ngày nhận hồ sơ: -/-.

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT: *theo danh sách 41 hồ sơ đính kèm*

2.1. Tên:

Bên chuyển nhượng: Công ty CP Nam Sài Gòn Residences;

Bên nhận chuyển nhượng: Ông (bà) theo danh sách đính kèm.

2.2. Địa chỉ: -/-

2.3. Số điện thoại liên hệ:..... Email (nếu có):.....

2.4. Mã số thuế (nếu có):.....

2.5. Giấy tờ nhân thân/pháp nhân:

Số.....; ngày cấp:..... nơi cấp:.....

2.6. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: Cấp Giấy chứng nhận cho người mua nhà trong dự án phát triển nhà ở.

III. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

3.1. Thông tin về đất:

3.1.1. Thửa đất số: 73; Tờ bản đồ số: 5;

3.1.2. Địa chỉ tại: Khu nhà ở Nam Sài Gòn Residences, ấp 5, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Tp.HCM;

3.1.3. Vị trí theo Bảng giá đất:

- Đường/đoạn đường/khu vực: đường Nguyễn Hữu Thọ / đoạn từ Cầu Rạch Đĩa 2 đến cầu Bà Chiêm;

- Vị trí thửa đất: Vị trí 2

- Chiều sâu của thửa đất (nếu có):m.

- Chiều rộng của ngõ/hẻm (nếu có):.....m.

3.1.4 Diện tích thửa đất: 32.902,4 m²

- Diện tích sử dụng chung: 32.902,4 m²

- Diện tích sử dụng riêng:m²

- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất:.....m²

- Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất (tiền thuê đất):.....m²

- Diện tích đất trong hạn mức:.....m²

- Diện tích đất ngoài hạn mức:.....m²

3.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

3.1.6. Mục đích sử dụng đất: đất ở đô thị

3.1.7. Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài

3.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày:...../...../.....;

3.1.9. Giá đất: theo Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về Bảng giá đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

3.1.10. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT13229 ngày 14 tháng 5 năm 2012 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp.

3.2. Thông tin về tài sản gắn liền với đất: theo danh sách 41 hồ sơ đính kèm

3.2.1. Loại nhà ở, công trình: Căn hộ; cấp hạng nhà ở, công trình: -/-;

3.2.2. Diện tích xây dựng:-/- m²;

3.2.3. Diện tích sàn xây dựng: -/- m²; /diện tích sử dụng: -/- m²;

3.2.4. Diện tích sở hữu chung: -/- m²; Diện tích sở hữu riêng: -/- m²;

3.2.5. Số tầng: 29 tầng + 01 hầm; trong đó: số tầng nổi: -/-; số tầng hầm: -/-;

3.2.6. Nguồn gốc: -/-

3.2.7. Thời hạn sở hữu đến: -/- năm.

Năm hoàn công: 2020;

Kết cấu: Tường gạch, sàn BTCT, mái BTCT.

IV. THÔNG TIN VỀ NHU CẦU GHI NỢ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH

- Tiền sử dụng đất:.....
- Lệ phí trước bạ:.....

V. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO DO NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT NỢP

Đính kèm danh sách hồ sơ của người mua đề nghị cấp Giấy chứng nhận gồm:

- Đơn đăng ký theo mẫu 11/ĐK;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT13229 ngày 14/5/2012 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp;
- Công văn số 3472/STNMT-QLĐ ngày 11/5/2020 và số 1119/STNMT-QLĐ ngày 08/02/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Hợp đồng mua bán căn hộ và văn bản chuyển nhượng (nếu có);
- Bản vẽ sơ đồ căn hộ chung cư.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Trung tâm CNTT (để đăng tin);
- Công ty CP Nam Sài Gòn Residences;
- Các cá nhân theo danh sách đính kèm;
- Lưu: VT, ĐK(HS), C.Tr.

HS: 517 + 699-719 + 738 + 739
+ 12699 + 936-951 (41 hs).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC ✓



Thân Thế Hùng

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH 41 CĂN HỘ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
THUỘC DƯỚI KHU DÂN CƯ NAM SÀI GÒN RESIDENCES, XÃ PHƯỚC KIẾN, HUYỆN NHÀ BÈ
(Kèm theo Phiếu chuyển thuế số 754/PCCTT-VPDK-DK ngày 30/6/2025 của VPDK đất đai Thành phố)

STT	Số BN	Ngày nộp hồ sơ	Họ tên chủ sở hữu	Số nhà	Khối nhà	Diện tích sử dụng	Diện tích sàn xây dựng	Diện tích ô tô đậu xe	Ký hiệu BDX	Tầng số	Loại nhà	Hình thức sở hữu
1	792764612025000517	08/4/2025	Ông ĐÀO THẾ DUY Năm sinh: 1966; CCCD số: 034 066 016 506 Địa chỉ thường trú: Ấp Hàng Gòn, xã Hàng Gòn, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai. Bà PHẠM THỊ BÍCH NHUẬN Năm sinh: 1970; CCCD số: 034 170 019 652 Địa chỉ thường trú: Ấp Hàng Gòn, xã Hàng Gòn, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.	C17.12	C	65.16	71.42			18	Căn hộ chung cư	Sở hữu chung
2	792764612025000699	26/4/2025	Ông NGUYỄN PHƯỚC THANH HUY Năm sinh: 1981; CCCD số: 048 081 006 685 Địa chỉ thường trú: 1539/19B Phạm Thế Hiển, phường 6, quận 8, Tp.HCM. Bà NGUYỄN THỊ BẠCH NI Năm sinh: 1979; CCCD số: 079 179 027 488 Địa chỉ thường trú: 1539/19B Phạm Thế Hiển, phường 6, quận 8, Tp.HCM.	A28.07	A	87.26	94.89	12.5	521	29	Căn hộ chung cư	Sở hữu chung
3	792764612025000700	26/4/2025	Bà LÊ THỊ TUYẾT MAI Năm sinh: 1940; CCCD số: 079 140 004 389 Địa chỉ thường trú: 131A/1 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, quận 1, Tp.HCM.	A3.09	A	70.44	75.99			4	Căn hộ chung cư	Sở hữu riêng
4	792764612025000701	26/4/2025	Bà NGUYỄN HỒNG HẠNH Năm sinh: 1981; CCCD số: 001 181 048 032 Địa chỉ thường trú: 82/24 Thành Thái, phường 12, quận 10, Tp.HCM.	A18.10	A	70.44	75.99	12.5	505	19	Căn hộ chung cư	Sở hữu riêng

5	7927646120250 00702	26/4/2025	Bà BÙI THỊ HIỆ Năm sinh: 1985; CCCD số: 044 185 009 317 Địa chỉ thường trú: 505/2/6 Trần Xuân Soạn, Khu phố 1, phường Tân Kiểng, quận 7, Tp.HCM.	B15.01	B	92.74	100.35			16	Căn hộ chung cư	Sở hữu riêng
6	7927646120250 00703	26/4/2025	Ông NGUYỄN CHÍ HẬU Năm sinh: 1979; CCCD số: 052 079 023 175 Địa chỉ thường trú: 24/24 Trần Bình Trọng, phường 5, quận Bình Thạnh, Tp.HCM. Bà LÊ PHẠM THỦY TIÊN Năm sinh: 1983; CCCD số: 079 183 025 024 Địa chỉ thường trú: 24/24 Trần Bình Trọng, phường 5, quận Bình Thạnh, Tp.HCM.	B24.01	B	92.74	100.35			25	Căn hộ chung cư	Sở hữu chung
7	7927646120250 00704	26/4/2025	Ông TẠ HOÀNG NAM Năm sinh: 1992; CCCD số: 075 092 020 034 Địa chỉ thường trú: B28.05 Nam Sài Gòn Residences, ấp 5, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Tp.HCM. Bà VÕ THÙY THANH HUƠNG Năm sinh: 1994; CCCD số: 077 194 008 242 Địa chỉ thường trú: Ấp khu 1, xã Bình Châu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	B28.05	B	68.47	74.77			29	Căn hộ chung cư	Sở hữu chung
8	7927646120250 00705	26/4/2025	Ông NGUYỄN HOÀNG ĐỨC Năm sinh: 1991; CCCD số: 079 091 020 884 Địa chỉ thường trú: 207/1 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, quận 1, Tp.HCM. Bà ĐẶNG THỊ KIỆU LY Năm sinh: 1989; CCCD số: 034 189 009 947 Địa chỉ thường trú: 06 tầng 3, chung cư 207 Trần Hưng Đạo, phường Cô Giang, Quận 1, Tp.HCM.	B21.06	B	68.47	74.77			22	Căn hộ chung cư	Sở hữu chung
9	7927646120250 00706	26/4/2025	Bà NGUYỄN HÒA LAN Năm sinh: 1991; CCCD số: 068 191 006 090 Địa chỉ thường trú: 323A Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.	B15.11	B	65.16	71.42			16	Căn hộ chung cư	Sở hữu riêng

10	7927646120250 00707	26/4/2025	Ông NGUYỄN HOÀI THANH Năm sinh: 1961; CCCD số: 079 061 024 458 Địa chỉ: 59C đường 109, phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Tp.HCM. Bà HỒ KIM TRÂM Năm sinh: 1962; CCCD số: 089 162 000 094 Địa chỉ: 59C đường 109, phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Tp.HCM.	B5.12	B	65.16	71.42			6	Căn hộ chung cư	Sở hữu chung
11	7927646120250 00708	26/4/2025	Bà NGUYỄN THỊ DIỄM MY Năm sinh: 1982; CCCD: 052 182 003 502 Địa chỉ thường trú: B14.12 Nam Sài Gòn Residences, áp 5, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Tp.HCM. (Cùng sở hữu tài sản gắn liền với đất với Bà NGUYỄN THỊ TRÂM MY)	B14.12	B	65.16	71.42	12.5	23	15	Căn hộ chung cư	Sở hữu chung
			Bà NGUYỄN THỊ TRÂM MY Năm sinh: 1986; CCCD: 052 186 003 073 Địa chỉ thường trú: B14.12 Nam Sài Gòn Residences, áp 5, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Tp.HCM. (Cùng sở hữu tài sản gắn liền với đất với Bà NGUYỄN THỊ DIỄM MY)	B14.12	B	65.16	71.42	12.5	23	15	Căn hộ chung cư	Sở hữu chung
12	7927646120250 00709	26/4/2025	Bà VŨ LÊ NGỌC QUỲNH Năm sinh: 1979; CCCD số: 079 179 011 377 Địa chỉ thường trú: 14 Đường số 10, khu phố 1, phường Tân Phong, quận 7, Tp.HCM.	C24.04	C	87.88	94.89			25	Căn hộ chung cư	Sở hữu riêng
13	7927646120250 00710	26/4/2025	Bà LÊ HUỲNH TRÚC PHƯƠNG Năm sinh: 1999; CCCD số: 092 199 000 188 Địa chỉ thường trú: 48 Trần Phú, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.	C6.05	C	68.47	74.77			7	Căn hộ chung cư	Sở hữu riêng
14	7927646120250 00711	26/4/2025	Ông NGUYỄN PHÚC NAM NGUYỄN Năm sinh: 1998; CCCD số: 031 098 007 851 Địa chỉ thường trú: 11.10 Chung cư Thái An 2, khu phố 5, phường Đông Hưng Thuận, quận 12, Tp.HCM.	C11.07	C	68.02	74.34			12	Căn hộ chung cư	Sở hữu riêng



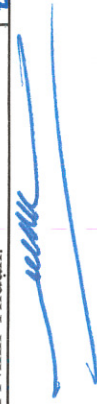
15	7927646120250 00712	26/4/2025	Ông NGUYỄN XUÂN HÒA Năm sinh: 1993; CCCD số: 064 093 004 265 Địa chỉ thường trú: 271 Lê Duẩn, Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Bà NGUYỄN XUÂN HÀ ANH Năm sinh: 1989; CCCD số: 001 189 025 949 Địa chỉ thường trú: 25 M5, phường Tân Mai, quận Hoàng Mai, Tp. Hà Nội.	C11.10	C	70.44	75.99	12.5	50	12	Căn hộ chung cư	Sở hữu chung
16	7927646120250 00713	26/4/2025	Ông TRẦN HỮU ĐẠT Năm sinh: 1951; CCCD số: 044 051 000 300 Địa chỉ thường trú: Phường Đồng Hải, Thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Bà HÒ THỊ HUƠNG THỦY Năm sinh: 1955; CCCD số: 044 155 004 389 Địa chỉ thường trú: Phường Đồng Hải, Thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Ông NGUYỄN XUÂN HIỆU Năm sinh: 1986; CCCD số: 042 086 000 619 Địa chỉ thường trú: B. 09.22 Chung cư Bộ Công an, phường An Khánh, Thành phố Thủ Đức, Tp.HCM. Bà NGUYỄN HUƠNG LY Năm sinh: 1987; CCCD số: 019 187 001 012 Địa chỉ thường trú: B09.22 Chung cư Bộ Công an, phường An Khánh, Thành phố Thủ Đức, Tp.HCM.	C15.10	C	70.44	75.99			16	Căn hộ chung cư	Sở hữu chung
17	7927646120250 00714	26/4/2025	Ông HÀ VĂN TÀI Năm sinh: 1993; CCCD số: 044 093 014 569 Địa chỉ thường trú: C11.11 KN Ở NSG Residences, ấp 5, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Tp.HCM. Bà NGUYỄN THỊ KHÁNH CHI Năm sinh: 1993; CCCD số: 044 193 001 315 Địa chỉ thường trú: Xã Thuận Đức, Thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.	C5.11	C	59.54	65.3			6	Căn hộ chung cư	Sở hữu chung
18	7927646120250 00715	26/4/2025	Bà VÕ THỊ HUƠNG Năm sinh: 1978; CCCD số: 079 178 007 216 Địa chỉ thường trú: 18 Trần Nhân Tôn, phường 2, quận 10, Tp.HCM.	C11.11	C	59.54	65.3			12	Căn hộ chung cư	Sở hữu chung
19	7927646120250 00716	26/4/2025		C12.11	C	59.54	65.3			12A	Căn hộ chung cư	Sở hữu riêng

20	7927646120250 00717	26/4/2025	Ông NGUYỄN DUỜNG Năm sinh: 1995; CCCD số: 038 095 037 589 Địa chỉ thường trú: CH 3, T20, C/C Green Field, 686 Xô Viết Nghệ Tĩnh, quận Bình Thạnh, Tp.HCM Bà TRƯƠNG THỊ HÀ VY Năm sinh: 1996; CCCD số: 079 196 006 749 Địa chỉ thường trú: 13, Đường 18, KP1, phường Tân Phong, quận 7, Tp.HCM.	D21.06	D	68.47	74.77			22	Căn hộ chung cư	Sở hữu chung
21	7927646120250 00718	26/4/2025	Bà NGUYỄN THỊ THANH HẬU Năm sinh: 1994; CCCD số: 060 194 016 911 Địa chỉ thường trú: Khu phố 4, phường Tân An, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.	E23.03	E	65.16	71.42			24	Căn hộ chung cư	Sở hữu riêng
22	7927646120250 00719	26/4/2025	Bà VO ZENNI Năm sinh: 1968; Quốc tịch: Na Uy Hộ chiếu số: CFC265108; Cấp ngày: 18/08/2023. (Người có nguồn gốc Việt Nam)	G20.08		65.16	71.42	0		21	Căn hộ chung cư	Sở hữu riêng
23	7927646120250 00738	07/5/2025	Bà VŨ THỊ THUẬN Năm sinh: 1969; CCCD số: 040 169 000 295 Địa chỉ thường trú: 147 đường số 10, phường Tân Phong, quận 7, Tp.HCM.	E0.06	E	147.2	159.59			1+2	Căn hộ chung cư	Sở hữu riêng
24	7927646120250 00739	07/5/2025	Ông BUI DANH PHÚC Năm sinh: 1994; CCCD số: 075 094 000 146 Địa chỉ thường trú: D.208 chung cư Nhiều Tứ, phường 7, quận Phú Nhuận, Tp.HCM. Bà NGUYỄN THUY THẢO HUỖN Năm sinh: 1994; CCCD số: 075 194 013 485 Địa chỉ thường trú: D.208 Lô D, chung cư Nhiều Tứ 1, phường 7, quận Phú Nhuận, Tp.HCM.	G19.05	G	68.47	74.77			20	Căn hộ chung cư	Sở hữu chung
25	H26.14.10- 250515-12699	15/5/2025	Ông TRẦN NGUYỄN KHÁC DUY Năm sinh: 1986; CCCD số: 079 086 002 931 Địa chỉ thường trú: 179/82 Bạch Đằng, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp.HCM.	E6.05	E	68.47	74.77	0		7	Căn hộ chung cư	Sở hữu riêng
26	7927646120250 00936	03/6/2025	Ông NGUYỄN GIANG TUẤN Năm sinh: 1989; CCCD số: 075 089 005 228 Địa chỉ thường trú: Ấp Phú Tân, xã Phú Cường, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.	B8.09	B	68.47	74.77			9	Căn hộ chung cư	Sở hữu riêng

Handwritten signature/initials

27	7927646120250 00937	03/6/2025	Bà ĐÀO THU PHƯƠNG Năm sinh: 1983; CCCD số: 001 183 045 028 Địa chỉ thường trú: Tổ 21 phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội.	C10.08	C	59.54	65.3			11	Căn hộ chung cư	Sở hữu riêng
28	7927646120250 00938	03/6/2025	Ông PHẠM TRẦN TIỆP Năm sinh: 1984; CCCD số: 079 084 000 890 Địa chỉ thường trú: C11-02 Panorama, khu phố 4, phường Tân Phong, quận 7, Tp.HCM. Bà TRẦN BÍCH NGỌC Năm sinh: 1985; CCCD số: 079 185 013 598 Địa chỉ thường trú: 626 Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, Tp.HCM.	D23.02	D	65.16	71.42	12.5	187	24	Căn hộ chung cư	Sở hữu chung
29	7927646120250 00939	03/6/2025	Ông NGUYỄN MINH TỬ Năm sinh: 1997; CCCD số: 001 097 090 945 Địa chỉ thường trú: 23 Ngõ 720 La Thành, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, Tp. Hà Nội.	D28.04	D	87.26	94.89	12.5	59	29	Căn hộ chung cư	Sở hữu riêng
30	7927646120250 00940	03/6/2025	Bà TRẦN THỊ BÌNH AN Năm sinh: 1993; CCCD số: 096 193 000 168 Địa chỉ thường trú: 7.04 Tháp W2 Sunrise City - Lô W, phường Tân Hưng, quận 7, Tp.HCM.	D19.07	D	87.88	94.89			20	Căn hộ chung cư	Sở hữu riêng
31	7927646120250 00941	03/6/2025	Ông GIANG HOÀNG HẢI Năm sinh: 1973; CCCD số: 079 073 000 640 Địa chỉ thường trú: 390/36 Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, quận 3, Tp.HCM.	E0.03 (số nhà cũ 64)	E	127.5	137.61			1+2	Cửa hàng	Sở hữu riêng
32	7927646120250 00942		Bà VÕ THỊ TUYẾT DIỄM Năm sinh: 1992; CCCD số: 051 192 006 976 Địa chỉ thường trú: Thôn Tân Hy 1, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. (Cùng sở hữu tài sản gắn liền với bà Phạm Lê Thanh Loan)	E28.01	E	96.67	104.03			29	Căn hộ chung cư	Sở hữu chung
		03/6/2025	Bà PHẠM LÊ THANH LOAN Năm sinh: 1996; CCCD số: 086 196 010 099 Địa chỉ thường trú: 100A/8 Dương Bá Trạc, phường 02, quận 8, Tp.HCM. (Cùng sở hữu tài sản gắn liền với bà Võ Thị Tuyết Diễm)	E28.01	E	96.67	104.03			29	Căn hộ chung cư	Sở hữu chung

33	7927646120250 00943	03/6/2025	Ông TRẦN CÔNG HUẤN Năm sinh: 1957; Quốc tịch: Việt Nam Hộ chiếu số: Q00318154, ngày cấp: 04/08/2023 Nơi cấp: TLSQ Việt Nam tại San Francisco. Bà LÝ THỊ LIỆU Năm sinh: 1964; Quốc tịch: Việt Nam Hộ chiếu số: Q00319361, ngày cấp: 12/09/2023 Nơi cấp: TLSQ Việt Nam tại San Francisco. Ông NGUYỄN VIỆT LONG Năm sinh: 1988; CCCD số: 001 088 022 391 Địa chỉ thường trú: Tổ 4 Cụm 1, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, Tp.Hà Nội. Bà ĐỖ NGUYỄN LẬP XUÂN Năm sinh: 1986; CCCD số: 079 186 016 410 Địa chỉ thường trú: 361/19 Nguyễn Đình Chiểu, phường 5, quận 3, Tp.HCM.	E27.03	E	65.16	71.42			28	Căn hộ chung cư	Sở hữu chung
34	7927646120250 00944	03/6/2025	Ông NGUYỄN VŨ QUÝ PHONG Năm sinh: 1993; CCCD số: 079 093 009 097 Địa chỉ thường trú: 17 Đường số 78, phường 10, quận 6, Tp.HCM. Bà LÊ NGỌC THANH TUYỀN Năm sinh: 1991; CCCD số: 089 191 003 611 Địa chỉ thường trú: Ấp Phước Thọ, xã Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Ông HÀNG KHUÔNG QUANG Năm sinh: 1978; CCCD số: 058 078 000 960 Địa chỉ thường trú: KP3, phường Kinh Dinh, Tp.Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Bà NGUYỄN THỊ LAN CHI Năm sinh: 1980; CCCD số: 058 180 006 984 Địa chỉ thường trú: KP3, phường Kinh Dinh, Tp.Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.	E15.04	E	87.88	94.89	12.5	113	16	Căn hộ chung cư	Sở hữu chung
35	7927646120250 00945	03/6/2025	Ông NGUYỄN VŨ QUÝ PHONG Năm sinh: 1993; CCCD số: 079 093 009 097 Địa chỉ thường trú: 17 Đường số 78, phường 10, quận 6, Tp.HCM. Bà LÊ NGỌC THANH TUYỀN Năm sinh: 1991; CCCD số: 089 191 003 611 Địa chỉ thường trú: Ấp Phước Thọ, xã Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Ông HÀNG KHUÔNG QUANG Năm sinh: 1978; CCCD số: 058 078 000 960 Địa chỉ thường trú: KP3, phường Kinh Dinh, Tp.Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Bà NGUYỄN THỊ LAN CHI Năm sinh: 1980; CCCD số: 058 180 006 984 Địa chỉ thường trú: KP3, phường Kinh Dinh, Tp.Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.	E7.10	E	92.74	100.35			8	Căn hộ chung cư	Sở hữu chung
36	7927646120250 00946	03/6/2025	Ông HÀNG KHUÔNG QUANG Năm sinh: 1978; CCCD số: 058 078 000 960 Địa chỉ thường trú: KP3, phường Kinh Dinh, Tp.Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Bà NGUYỄN THỊ LAN CHI Năm sinh: 1980; CCCD số: 058 180 006 984 Địa chỉ thường trú: KP3, phường Kinh Dinh, Tp.Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.	E10.10	E	92.74	100.35			11	Căn hộ chung cư	Sở hữu chung



37	7927646120250 00947	03/6/2025	Ông HUỖNH PHÚ HẢO Năm sinh: 1964; CCCD số: 075 064 000 708 Địa chỉ thường trú: 154/33/12, khu phố 1, phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Bà NGUYỄN THỊ HIỀN NHÌ Năm sinh: 1964; CCCD số: 082 164 001 220 Địa chỉ thường trú: 154/33/12, khu phố 1, phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	G16.01	G	96.67	104.03			17	Căn hộ chung cư	Sổ hữu chung
38	7927646120250 00948	03/6/2025	Ông NGUYỄN VIỆT NHÂN Năm sinh: 1988; CCCD số: 083 088 008 439 Địa chỉ thường trú: Ấp Bình Tây, xã Cẩm Sơn, huyện Mô Cày, tỉnh Bến Tre. Bà PHAN THỊ HỒNG GÀM Năm sinh: 1988; CCCD số: 082 188 017 938 Địa chỉ thường trú: Ấp Hộ, xã Tân Diên, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Ông ĐÀM QUANG TRUNG Năm sinh: 1987; CCCD số: 079 087 016 650 Địa chỉ thường trú: 48 Huỳnh Văn Một, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, Tp.HCM. Bà LÊ THAI HÀNG Năm sinh: 1989; CCCD số: 031 189 013 579 Địa chỉ thường trú: 739/51/19 Trần Xuân Soạn, phường Tân Hưng, quận 7, Tp.HCM.	G27.03		65.16	71.42			28	Căn hộ chung cư	Sổ hữu chung
39	7927646120250 00949	03/6/2025	Ông LÊ BÌNH Năm sinh: 1964; CCCD số: 001 064 001 933 Địa chỉ thường trú: D12 Bt8 ĐTVH, phường Việt Hưng, quận Long Biên, Tp Hà Nội. Bà PHẠM THỊ HUƠNG Năm sinh: 1968; CCCD số: 001 168 002 108 Địa chỉ thường trú: D12 Bt8 khu ĐTVH, phường Việt Hưng, quận Long Biên, Tp. Hà Nội	G5.05	G	68.47	74.77			6	Căn hộ chung cư	Sổ hữu chung
40	7927646120250 00950	03/6/2025	Bà NGUYỄN THỊ THANH KIM CÚC Năm sinh: 1992; CCCD số: 031 192 003 408 Địa chỉ thường trú: 05 Lô 06, Khu Công Nhân Dư Hàng, phường Dư Hàng, quận Lê Chân, Tp. Hải Phòng.	G22.10	G	92.74	100.35			23	Căn hộ chung cư	Sổ hữu chung
41	7927646120250 00951	03/6/2025		D16.11	D	65.16	71.42			17	Căn hộ chung cư	Sổ hữu riêng

all